

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2022

V/v Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình – Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.
2. Ông Lê Quang Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 242/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đinh Văn P, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt và anh P vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là Nguyễn Thị N trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P thường xuyên nhậu về dùng lời lẽ xúc phạm

vợ, con. Mặc dù Chị N nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nhận thấy đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Chị N yêu cầu được ly hôn với anh P.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Thu N, sinh ngày 26/3/2002 và Đinh Văn K, sinh ngày 22/6/2004, hiện con chung là Đinh Thị Thu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện con chung là Đinh Văn K đang sống với Chị N. Sau khi ly hôn, Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Đinh Văn K và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn là Đinh Văn P*: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Đinh Văn P vẫn vắng mặt không rõ lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện Chị N yêu cầu được ly hôn với anh P và yêu cầu nuôi con nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Đinh Văn P có địa chỉ hiện tại và theo kết quả xác minh của Công an Phường D, thành phố E xác nhận Đinh Văn P đang sinh sống tại tổ B, khóm C, Phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là Đinh Văn P vẫn vắng mặt không rõ lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Đinh Văn P.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay Chị N yêu cầu ly hôn với anh P.

Xét thấy, Chị N và anh P tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2000, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.*

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.*

*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

Căn cứ quy định nêu trên, Chị N và anh P tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2000, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn P.

**[2.2]** Về con chung: Chị N và anh P có 02 con chung tên Đinh Thị Thu N, sinh ngày 26/3/2002 và Đinh Văn K, sinh ngày 22/6/2004, hiện con chung là Đinh Thị Thu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và con chung là Đinh Thị Thu N đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung là Đinh Văn K hiện đang sống với Chị N. Sau khi ly hôn, Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Đinh Văn K và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung đang sống với Chị N đã ổn định và ý kiến của con chung là Đinh Văn K có nguyện vọng được sống với Chị N.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định:

*“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Căn cứ quy định nêu trên, để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất về mọi mặt của con chung nên cần thiết giao con chung là Đinh Văn K cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị N về việc yêu cầu được nuôi con chung là Đinh Văn K, giao con chung là Đinh Văn K cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đinh Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn P.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, giao con chung tên Đinh Văn K, sinh ngày 22/6/2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống với nhị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005188, ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh Đinh Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thanh Hiền**